

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4799 /STC-TCHCSN
Về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng phí.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Thành phố Biên Hòa.

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có một số khó khăn, vướng mắc về công tác quản lý và sử dụng nguồn thu phí đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Nhằm chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trên địa bàn tỉnh, ngày 13/06/2018, Sở Tài chính đã có công văn số 3410/STC-TCHCSN gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn về quản lý và sử dụng phí đối với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 07/08/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 9416/BTC-CST trả lời Sở Tài chính Đồng Nai về việc quản lý và sử dụng phí.

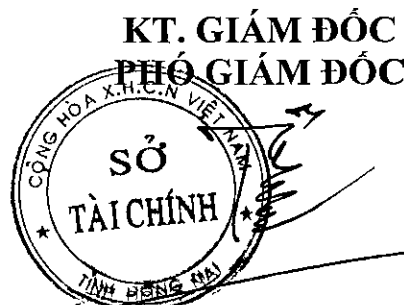
Sở Tài chính triển khai công văn số 3410/STC-TCHCSN và công văn số 9416/BTC-CST để các đơn vị nghiên cứu triển khai thực hiện. Đề nghị đơn vị dự toán cấp 1 triển khai cho các đơn vị trực thuộc.

Đính kèm:

- Công văn số 3410/STC-TCHCSN ngày 13/06/2018 của Sở Tài chính.
- Công văn số 9416/BTC-CST ngày 07/08/2018 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, TCHCSN.



Đặng Văn Tấn

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9416/BTC-CST
V/v quản lý và sử dụng phí

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI

Số: 212 TW

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai

09.18.18

Trả lời công văn số 3410/STC-TCHCSN ngày 13/6/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đề nghị hướng dẫn về quản lý và sử dụng phí, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động

Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định: 1. *Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước (NSNN), trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) *Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.*

b) *Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.*

c) *Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí."*

Căn cứ quy định nêu trên, tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện được khoán chi phí hoạt động (được để lại tiền phí thu được) bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

2. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

3. Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Về quản lý và sử dụng tiền phí được để lại

- Tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):....

....

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

- Tại Điều 5 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định: Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ các nguồn phí được để lại theo chế độ quy định.

Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định:

1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm;...

2. Phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức...

- Tại Điều 4 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang quy định: b) Sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, đã hướng dẫn: Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu được để lại theo chế độ sau khi loại trừ các chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Theo quy định nêu trên thì đơn vị thu phí được sử dụng số tiền phí được để lại như sau:

1. Chi trang trải chi phí cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

2. Tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

3. Chi tự chủ theo cơ chế tài chính của đơn vị thu phí (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP).

4. Số tiền còn lại chuyển năm sau chi tiếp.

3. Về ban hành văn bản quyết định thu, nộp và tỷ lệ để lại tiền phí

- Tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại.

b) Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Trong đó:

- Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

- Dự toán cả năm về phí thu được do tổ chức thu thực hiện được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

- Trường hợp điều chỉnh mức tỷ lệ để lại, dự toán thu, chi còn căn cứ số liệu thu, chi của năm trước liền kề....

c) Căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí; trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

- Tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính), Sở quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)....

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

Căn cứ quy định nêu trên, tổ chức thu phí thực hiện lập Đề án thu phí khi đề xuất ban hành văn bản quy định thu phí hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản đã ban hành.

Cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh) ban hành văn bản quy định thu phí (trong đó, quy định cụ thể về tổ chức thu phí, mức thu phí; tỷ lệ để lại; quản lý, sử dụng tiền phí được để lại,...). Sau khi văn bản được ban hành và có hiệu lực thi hành, tổ chức thu phí thực hiện thu phí và được để lại tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định.

Đối với các khoản phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính, đề nghị thực hiện theo mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Bộ Tài chính. HĐND cấp tỉnh không phải ban hành thêm văn bản quyết định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

4. Về hướng dẫn nội dung chi tiền phí được để lại

Theo quy định Luật phí và lệ phí thì phí nhằm cơ bản bù đắp chi phí cung cấp dịch vụ; tiền phí được để lại để bù đắp chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Vì vậy, số tiền phí được trích để lại, tổ chức thu phí được sử dụng chi cho các nội dung theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

5. Về hướng dẫn lập dự toán kinh phí cho công tác thu lệ phí

Căn cứ quy định Luật NSNN và các văn bản có liên quan, hàng năm Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN để các Bộ, ngành và địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (như: Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2017; Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2018-2020, Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2019-2021,...). Vì vậy, đề nghị tỉnh Đồng Nai căn cứ quy định Luật NSNN hàng năm và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN để xây dựng dự toán NSNN (trong đó, có việc lập dự toán kinh phí cho công tác thu lệ phí).

Đối với việc sử dụng kinh phí để chi trả cho các hợp đồng lao động: Theo quy định hiện hành (Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị, công văn số 2882/VPCP-TCCV ngày 21/9/2017 của Văn phòng Chính phủ, công văn số 5470/BNV-TCBC ngày 13/10/2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện tinh giản biên chế), địa phương không được phép ký hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ (trong đó có lao động phục vụ thu lệ phí) trong trường hợp đã sử dụng hết số biên chế sự nghiệp được giao.

Do đó, đề nghị Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai căn cứ Kết luận số 17-KL/TW; pháp luật công chức, viên chức và hướng dẫn của Bộ Nội vụ để quyết định việc ký kết hợp đồng lao động theo quy định. Việc chi trả kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

Bộ Tài chính trả lời đề Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai biết và thực hiện./..*ky*

Nơi nhận: *ky*

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các Vụ: PC, NSNN, HCSN;
- Lưu: VT, CST (CST5). *g*

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHỖ VỤ TRƯỞNG



Vũ Khắc Liêm

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 3410 /STC-TCHCSN
Về việc hướng dẫn về quản lý và sử dụng phí đối với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có một số khó khăn, vướng mắc về công tác quản lý và sử dụng nguồn thu phí đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Sở Tài chính Đồng Nai tổng hợp và kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm có ý kiến hướng dẫn để Sở Tài chính triển khai thực hiện theo quy định trên địa bàn tỉnh. Các nội dung cụ thể như sau:

I. Về việc xác định cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định: “1. *Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm: a) Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.....”*

Tại tỉnh Đồng Nai thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2017, giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó các nội dung khoán kinh phí hoạt động thường xuyên cho các cơ quan quản lý nhà nước (thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013) quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND bao gồm các nội dung:

“a) Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị; công tác phí; chi đoàn ra, đoàn vào; chi phí thuê mướn.

b) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan; chi mua bảo hiểm thất nghiệp.

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản.

d) Chi hoạt động tổ chức Đảng (đơn vị dự toán có trách nhiệm bố trí kinh phí theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, không bao gồm các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Tỉnh ủy), chi hoạt động dân quân tự vệ, hoạt động Hội Cựu chiến binh trong cơ quan.

đ) Chi lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên giáo dục mầm non theo Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các khoản chi hoạt động khác trong lĩnh vực giáo dục.

e) Chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác”

Như vậy các nội dung trong khoản chi phí hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chưa bao gồm phần khoản kinh phí hoạt động để thực hiện công tác thu phí.

Từ các quy định trên kính đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có phải là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP hay không?

II. Về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí được trích để lại từ nguồn thu phí đối với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cơ quan quản lý nhà nước):

Khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

“2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập)....

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại Khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ”

Điều 5 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các đơn vị nhà nước quy định: *“Nguồn kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước bao gồm: ngân sách nhà nước cấp; các khoản phí được để lại theo chế độ quy định; các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”*.

Và khoản 7, Điều 1 Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước quy định như sau:

“1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm....

2. Phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

a) Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức....

b) Chi khen thưởng.....

c) Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tình giãn biên chế.....

d) Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức. Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập”.

Từ các quy định trên kính đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có được sử dụng phần kinh phí được trích để lại từ nguồn thu phí theo quy định (sau khi đã trừ các khoản chi phí phục vụ cung cấp dịch vụ thu phí) để bổ sung kinh phí hoạt động và thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức theo quy định của Nghị định số

130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 hay không?

Ngoài ra, kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn về việc: Đối với các khoản phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính, khi triển khai tổ chức thu ở địa phương, UBND tỉnh có cần thiết phải trình HĐND tỉnh quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí đó ở địa phương hay không?

Trường hợp cụ thể đề nghị Bộ Tài chính xem xét:

Số thu phí năm 2017 Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	Thực hiện theo quy định	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Tổng số thu phí năm 2017. Trong đó:		12.045.624.984	
1.1	Phí sát hạch giấy phép lái xe mô tô	Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016	3.050.850.000	
1.2	Phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô	Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016	8.296.710.000	
1.3	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	Thông tư 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016	4.280.000	
1.4	Phí thẩm tra, thẩm tra thiết kế công trình xây dựng	Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016	693.784.984	
2	Số chuyển trả cho các Trung tâm sát hạch		5.928.386.000	Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe (theo Thông tư 188/2016/TT-BTC)
2.1	Phí sát hạch giấy phép lái xe mô tô		1.090.802.000	
2.2	Phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô		4.837.584.000	
3	Tổng số trích để lại sử dụng		2.897.770.486	
3.1	Phí sát hạch giấy phép lái xe mô tô		610.170.000	3.1 = 1.1 x 20% (theo Thông tư 188/2016/TT-BTC)
3.2	Phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô		1.659.342.000	3.2 = 1.2 x 20% (theo Thông tư 188/2016/TT-BTC)
3.3	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa		3.852.000	3.3 = 1.3 x 90% (theo Thông tư 198/2016/TT-BTC)
3.4	Phí thẩm tra, thẩm tra		624.406.486	3.4 = 1.4 x 90% (theo Thông

STT	NỘI DUNG	Thực hiện theo quy định	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	thiết kế công trình xây dựng			tr 209/2016/TT-BTC)
4	Tổng số nộp NSNN theo quy định:		3.219.468.498	4 = 1 - 2 - 3
4.1	Phí sát hạch giấy phép lái xe mô tô		1.349.878.000	4.1 = 1.1 - 2.1 - 3.1
4.2	Phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô		1.799.784.000	4.2 = 1.2 - 2.2 - 3.2
4.3	Phí thăm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa		428.000	4.3 = 1.3 - 3.3
4.4	Phí thăm tra, thẩm tra thiết kế công trình xây dựng		69.378.498	4.4 = 1.4 - 3.4
5	Các khoản giảm trừ chi phí trước khi trích cải cách tiền lương		251.271.160	- Các chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí: Chi cho hội đồng thi sát hạch theo quy định chế độ công tác phí.
5.1	Phí sát hạch giấy phép lái xe mô tô		251.271.160	
5.2	Phí sát hạch giấy phép lái xe ô tô			
6	Số trích sử dụng còn lại		2.646.499.327	6 = 3 - 5
7	Số trích 40% cải cách tiền lương		1.058.600.000	7 = 6 x 40%
8	Kinh phí còn lại sau khi trích 40% cải cách tiền lương		1.587.899.327	8 = 6 - 7

Như vậy, số kinh phí còn lại sau khi trích 40% cải cách tiền lương theo quy định 1.587.899.327 đồng (Mục 8 Bảng trên), Sở Giao thông vận tải có được sử dụng để bổ sung chi phí hoạt động, chi tăng thu nhập cho cán bộ công chức, chi trích quỹ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 hay không?

Đối với số kinh phí được vị được trích lại để sử dụng (Mục 3), UBND tỉnh có cần thiết phải xây dựng đề án thu phí trình HĐND tỉnh quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí sát hạch lái xe; phí thăm tra, thẩm định

cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa; phí thăm tra, thăm tra thiết kế công trình xây dựng hay không?

III. Về việc hướng dẫn các nội dung chi từ số tiền phí để lại cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thu phí

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2015/NĐ-CP quy định về các nội dung chi từ số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí như sau:

“a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí.

- Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

- Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí).

- Các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí”.

Từ các quy định trên kính đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn về phạm vi pháp lý của thuật ngữ “*việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí*” đối với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thu phí quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Cụ thể, “*việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí*” có bao gồm việc thực hiện các công việc chung—gián tiếp phục vụ thu phí—của cơ quan, tổ chức thu phí (như chi thanh toán cá nhân (lương hợp đồng) cho hợp đồng lao động phục vụ công việc chung của cơ quan hoặc tạp vụ, bảo vệ ngoài chỉ tiêu biên chế hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; tổ chức hội nghị toàn cơ quan; trang bị máy in, tủ đựng hồ sơ, máy photocopy cho Văn

phòng Sở; sửa chữa thường xuyên hoặc sửa chữa lớn xe ô tô cho Ban Lãnh đạo Sở...) hay không?

IV. Về việc hướng dẫn tỷ lệ phần trăm để lại cho các tổ chức thu phí, lệ phí:

Điều 21, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”*.

Khoản 1 và 2, Điều 7 Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định việc quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được: *“1. Về nguyên tắc xác định tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí đảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; 2. Việc quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được: a) Đối với phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm trích để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, phần còn lại (nếu có) nộp vào ngân sách nhà nước”*.

Căn cứ theo các quy định trên, ngoài các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Thông tư 250/2016/TT-BTC, HĐND địa phương có cần ban hành tỷ lệ phần trăm trích để lại cho các tổ chức thu phí, lệ phí đối với các loại phí và lệ phí còn lại (các loại phí và lệ phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và các Bộ ngành có liên quan) ?

V. Về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí phục vụ cho công tác thu lệ phí:

Điều 13, Luật Phí và lệ phí quy định: *“1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; 2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”* và Điểm b, khoản 2 Điều 7 Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định: *“Đối với lệ phí, tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước”*.

Căn cứ theo quy định trên thì các cơ quan thực hiện thu lệ phí phải nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo quy định chi nêu là bố trí trong dự toán nhưng chưa hướng dẫn các nội dung chi được phép cấp từ dự toán ngân sách cho công tác phụ vụ thu lệ phí. Kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các nội dung chi cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước cấp để Sở Tài chính Đồng Nai có cơ sở thẩm định dự

toán cấp cho các đơn vị. Dự toán ngân sách có được phép cấp kinh phí chi trả cho các hợp đồng lao động phục vụ công tác thu phí hay không? Mức chi trả cho các hợp đồng lao động này theo lương ngạch, bậc hay theo mức khoán? Chi phí thêm giờ, công tác phí, điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, nhiên liệu, cước công công văn, sửa chữa tài sản cố định....phục vụ cho công tác thu phí

Trên đây là một số khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện Luật phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm có ý kiến hướng dẫn kịp thời để Sở Tài chính Đồng Nai tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo đúng quy định. Trong quá trình xử lý văn bản trường hợp cần cung cấp thêm thông tin và số liệu cụ thể, kính đề nghị liên hệ Đ/c Trương Thị Hương Bình – Trưởng phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp Sở Tài chính Đồng Nai, số điện thoại: 0251 3847282 – 0918 608781, Email: huongbinhstc@gmail.com để giải trình chi tiết, cụ thể.

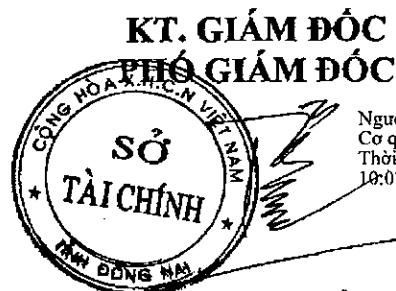
Trân trọng./.

Đính kèm:

- Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BGĐ Sở;
- Lưu VT, TCHCSN.



Đặng Văn Tấn